

Bài 3: Trần Thái Tông

Thần phục:	<i>become a political servitude, vassalage</i>	Thân chinh:	<i>personally lead the armed forces</i>
Xâm chiếm:	<i>invade</i>	Kinh đô:	<i>capital</i>
Thủy thổ:	<i>local climate</i>	Chiêu tập:	<i>gather, recruit</i>

Năm 1257 Hốt Tất Liệt đang đánh nhà Tống và sai sứ sang bảo vua Trần Thái Tông về thần phục Mông Cổ. Thái Tông không chịu, lại còn bắt giam sứ Mông Cổ.

Quân Mông Cổ kéo quân qua xâm chiếm nước ta. Thái Tông phải ngự giá thân chinh, nhưng đánh không được, chạy về đóng ở sông Hồng Hà. Quân Mông Cổ tiến lên đánh đuổi quân nhà Trần đến Đông Bộ Đầu. Thái Tông phải bỏ kinh đô, chạy về đóng ở sông Thiên Mạc.



Quân Mông Cổ vào thành Thăng Long, thấy ba người sứ Mông Cổ còn bị trói, giam ở trong ngục, đến khi cởi trói ra thì một người chết. Ngột Lương Hợp Thai, tướng Mông Cổ, thấy thế tức giận quá, cho quân ra giết phá cả nam phụ lão ấu ở trong thành.

Bấy giờ thế nguy, Thái Tông ngự thuyền đến hỏi Thái Úy là Trần Nhật Hiệu. Nhật Hiệu không nói gì cả, cầm sào viết xuống nước hai chữ “*Nhập Tống*”. Thái Tông lại đến hỏi Thái Sư Trần Thủ Độ. Thủ Độ nói rằng: “*Đầu tôi chưa rơi xuống đất, thì xin bệ hạ đừng lo!*” Thái Tông nghe thấy Thủ Độ nói thế mới yên lòng.

Được ít lâu quân Mông Cổ ở nước Nam không quen thủy thổ xem ra bộ mỗi mệ. Thái Tông mới tiến binh lên đánh ở Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cổ thua chạy về đến trại Quy Hóa, lại bị chủ trại đẩy chiêu tập thổ dân ra đón đánh. Quân Mông Cổ thua to, rút về Vân Nam.

Mùa xuân năm 1258, Thái Tông nhường ngôi cho Thái Tử là Trần Hoảng. Triều đình tôn Thái Tông lên làm Thái Thượng Hoàng để cùng coi việc nước. Thái Tông trị vì được 33 năm, làm Thái Thượng Hoàng được 19 năm thì mất, thọ 60 tuổi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi quân Mông Cổ sai sứ sang dụ vua Trần Thái Tông thần phục, vua Trần Thái Tông đã làm gì?

2. Ngột Lương Hợp Thai đã làm gì khi đánh vào thành Thăng Long?

3. Ai đã khuyên vua Trần Thái Tông “*Nhập Tống*”?

4. Khi vua Trần Thái Tông hỏi ý kiến của Trần Thủ Độ, ông đã trả lời với vua ra sao?

5. Vì sao quân Mông Cổ lại bị thua?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...Hốt Tất Liệt đang đánh nhà Tống và sai sứ sang báo vua Trần Thái Tông về **thần phục** Mông Cổ. Từ “**thần phục**” có nghĩa là:
 - *Dem quân đi đánh nước khác.*
 - *Đem quân chống lại.*
 - *Tự nhận làm bề tôi của nước khác.*
2. Quân Mông Cổ kéo quân qua **xâm chiếm** nước ta. Từ “**xâm chiếm**” có nghĩa là:
 - *Bảo vệ đất đai của mình.*
 - *Dâng đất đai cho nước khác.*
 - *Lấn và lấy đất của nước khác.*
3. Thái Tông phải nự giá **thân chinh**, nhưng đánh không được... Từ “**thân chinh**” có nghĩa là:
 - *Chiêu mộ binh lính để đánh giặc.*
 - *Sai người khác đi đánh giặc.*
 - *Tự mình dẫn quân đi đánh giặc.*
4. Được ít lâu quân Mông Cổ ở nước Nam không quen **thủy thổ** xem ra bộ mỗi mệ. Từ “**thủy thổ**” có nghĩa là:
 - *Khí hậu, thời tiết.*
 - *Lễ nghi.*
 - *Phong tục.*
5. Quân Mông Cổ thua chạy về đến trại Quy Hóa, lại bị chủ trại đẩy **chiêu tập** thổ dân ra đón đánh. Từ “**chiêu tập**” có nghĩa là:
 - *Chạy trốn.*
 - *Chia ra từng nhóm.*
 - *Kêu gọi và tụ tập.*
6. Quân Mông Cổ thua chạy về đến trại Quy Hóa, lại bị chủ trại đẩy chiêu tập **thổ dân** ra đón đánh. Từ “**thổ dân**” có nghĩa là:
 - *Dân địa phương.*
 - *Dân nước ngoài.*
 - *Giặc.*

Thêm Dấu

(Đọc cho các em thêm dấu.)

*Năm 1257 Hot Tat Liet dang danh nha
Tong va sai su sang bao vua Tran Thai
Tong ve than phuc Mong Co.*

*Thai Tong phai ngu gia than chinh,
nhung danh khong duoc, chay ve dong o
song Hong Ha.*

*Quan Mong Co thua chay ve den trai
Quy Hoa, lai bi chu trai day chieu tap
tho dan ra don danh.*

Chỉnh Tả

(Đọc cho các em viết chỉnh tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

*Được ít lâu quân Mông Cổ ở nước Nam không quên thủy thổ xem ra bộ
mỗi mệt. (3 lỗi)*

*Mùa xuân năm 1258, Thái Tông nhường ngôi cho Thái Tử là Trần
Hoảng. (3 lỗi)*

Văn Phạm – Trạng Từ

Trạng từ dùng để bổ nghĩa cho một động từ, một tính từ hoặc một trạng từ khác.

Quân ngủ *sớm*. (Trạng từ *sớm* bổ nghĩa cho động từ *ngủ*.)

Hoa *rất* đẹp. (Trạng từ *rất* bổ nghĩa cho tính từ *đẹp*.)

Vũ ăn *quá* nhiều. (Trạng từ *quá* bổ nghĩa cho trạng từ *nhiều*.)

Trạng từ thường đứng trước hoặc ngay sau các động từ, tính từ và trạng từ được bổ nghĩa.

Thí dụ 1:

Hồi tôi lên bốn, tôi đã đọc *thuộc lòng* những câu ca dao.

Chiếc xe hơi phóng *vùn vụt* qua bãi đậu xe.

Trong câu trên, trạng từ *thuộc lòng*, *vùn vụt* bổ nghĩa cho động từ *đọc*, *phóng* và đứng sau các động từ đó.

Đôi khi các trạng từ cũng đứng trước động từ được bổ nghĩa.

Thí dụ 2:

Hòa *cẩn thận* khóa chiếc xe đạp vào gốc cây.

Trạng từ *cẩn thận* bổ nghĩa và đứng trước động từ *khóa*.

Thí dụ 3:

Lan có giọng nói *rất* dịu dàng.

Trạng từ *rất* bổ nghĩa và đứng trước tính từ *dịu dàng*.

Thí dụ 4:

Chị Quyên hát *cực kỳ* hay.

Trạng từ *cực kỳ* bổ nghĩa và đứng trước trạng từ *hay*.

CÁCH THÊM TRẠNG TỪ

Muốn thêm các trạng từ vào trong câu trước tiên ta phải tìm được các động từ, tính từ hoặc trạng từ trong câu. Sau đó chúng ta đặt câu hỏi “...*như thế nào?* ...*ra làm sao?* ...” cho các động từ, tính từ hoặc trạng từ. Như vậy chúng ta sẽ thêm được các trạng từ vào trong câu.

Thí dụ:

Tú đi vào rừng. Em nhìn thấy một con gấu to khổng lồ. Tú sợ. Em co giò phóng về nhà.

Trước hết, chúng ta tìm các động từ. Các động từ trong câu này là: *đi vào, nhìn thấy, sợ, co, và phóng về*.

Bây giờ chúng ta sẽ đặt câu hỏi cho các động từ đó như sau:

Tú đi như thế nào vào rừng? đi sâu vào rừng.....

.....

Em nhìn thấy như thế nào? thoáng nhìn thấy.....

.....

Tú sợ như thế nào? sợ quá.....

.....

Em co giò như thế nào? vội vàng co giò.....

.....

Em phóng về nhà như thế nào? phóng nhanh như bay.....

.....

Ráp tất cả các câu trả lời, chúng ta sẽ có các trạng từ cho câu trên như sau:

Tú đi *sâu* vào rừng, em *thoáng* nhìn thấy một con gấu to khổng lồ. Tú *sợ quá*. Em *vội vàng* co giò *phóng nhanh như bay* về nhà.

Chúng ta có thể làm tương tự như trên với những tính từ và trạng từ trong câu.

Bài Tập – Văn Phạm (Trạng Từ)
(Cho các em thêm trạng từ vào những câu sau.)

1. Mẹ rót nước mắt vào chai.

2. Vũ ném banh cho đồng đội.

3. Ngọc chỉ bài cho em Việt.

4. Thu gấp quần áo và cất vào tủ.

5. Trước khi ra về, Phong khoanh tay chào mọi người.
